TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 29-5-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

2. Bà Dương Thị Sáu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Bình Em - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 72, đường H, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông N- Tổng Giám đốc;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:

- Ông Ng - Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Đ; Địa chỉ: Số 168, T, Phường A, thành phố B, tỉnh Long An.

- Ông Ng V - Giám đốc Đ; Địa chỉ: Số 199, Quốc lộ 1A, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền số 5897/GUQ-EVN SPC ngày 20/7/2022).

Bị đơn: Ông L , sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp 8, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Th, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 8, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An.

(nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng; ông Ph và bà Th vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN*:*

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng Công ty Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) do ông Ng là người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền trình bày:

Công ty Đ và cá nhân ông Ph có thỏa thuận và ký kết Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 18/F00654 ngày 26/9/2018 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng mua bán điện) được xác lập giữa bên bán là Công ty Đ do Giám đốc Đ là ông NH đại diện và bên mua là ông Ph để sử dụng điện cho vườn thanh long tại ấp 8, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An có tên "TSTL L ".

Về nội dung thỏa thuận như sau: Chủ thể của hợp đồng ghi là "Công ty Đ" và "TSTL L "; Thanh toán theo hình thức chuyển khoản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bên bán điện thông báo trên website hoặc tin nhắn hoặc email gửi bên mua; Thời hạn hợp đồng là từ ngày 26/9/2018 đến ngày 26/9/2023. Nguyên đơn xác định, chủ thể trong hợp đồng ghi "TSTL L " là nơi sử dụng điện để xông đèn thanh long của ông Ph ; Giá mua bán điện được áp dụng dành cho sản xuất nông nghiệp. Do đó, chủ thể trực tiếp mua điện, ký kết và chịu trách nhiệm thanh toán được xác định là cá nhân ông Ph .

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Hai bên đã thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn đầy đủ theo hợp đồng từ tháng 9 năm 2018 đến hết tháng 3 năm 2021. Đến tháng 4 năm 2021, ông Ph không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho số điện đã sử dụng là 23.242.890đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 08/4/2021 (số tiền điện phát sinh trong kỳ hóa đơn từ ngày 09/3/2021 đến ngày 08/4/2021). Nguyên đơn phát hành Thông báo tạm ngưng cung cấp điện ngày 27/4/2021 gửi ông Ph và nhiều lần thông báo sau đó nhưng vẫn không có kết quả. Nhận thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại khoản 4 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện, nên nguyên đơn khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp bị xâm phạm.

Về yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng vẫn còn thời hạn, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm phát sinh yêu cầu được thanh toán và chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua điện còn nợ là 23.242.890đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Về xác định cá nhân có nghĩa vụ thanh toán nợ: Cá nhân ông Ph là người trực tiếp ký kết hợp đồng và sử dụng điện; Bà Th là vợ ông Ph không tham gia ký kết hợp đồng và nguyên đơn cũng không có căn cứ xác định bà Th có nghĩa vụ liên đới. Tuy nhiên, trường hợp bà Th tự nguyện liên đới cùng ông Ph thanh toán nợ thì nguyên đơn cũng đồng ý. Ngoài ra, trong vụ án này không còn liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào khác nên nguyên đơn chỉ khởi kiện cá nhân ông Ph . Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài

liệu chứng cứ nào khác chưa giao nộp, không đề nghị Tòa án thu thập thêm, không yêu cầu đưa người nào khác vào tham gia tố tụng.

Ông Ph và Bà Th: Ông bà vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Ph , bà Th vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông Ph và bà Th vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phthanh toán số tiền 23.242.890 đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán điện. Hai bên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng từ tháng 9/2018 đến tháng 3/2021. Đến kỳ hóa đơn tháng 4/2021 (từ ngày 09/3/2021 đến ngày 08/4/2021), ông Ph đã sử dụng số điện là 12.540kWh với tổng số tiền là 23.242.890 đồng, hạn thanh toán là ngày 15/4/2021 theo Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 08/4/2021. Mặc dù, Công ty Đ đã ra Thông báo tạm ngưng cung cấp điện ngày 27/4/2021 nhưng ông Ph vẫn không thanh toán tiền điện cho nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở xác định bị đơn ông Ph là người trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán điện với Công ty Đ để sử dụng cho mục đích xông đèn thanh long. Việc ông Ph không thanh toán tiền điện tháng 4/2021 với số tiền 23.242.890 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên yêu cầu của Công ty Đ là có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 429, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 23 và khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2012 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Ph thanh toán số tiền 23.242.890 đồng còn nợ theo Hợp đồng mua bán điện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông Ph thanh toán toàn bộ tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện. Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ mà tự bị đơn đã cung cấp trong Hợp đồng mua bán điện. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, xác định thông tin cư trú của bị đơn là theo nguyên đơn cung cấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Công ty Đ khởi kiện được xác định là nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Công văn số 02/TCKH-ĐKKD ngày 10/01/2023 của Phòng Tài chính kế hoạch huyện Bến Lức, tỉnh Long An thể hiện: Ông Ph không thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tại địa phương, nên lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp khi cho rằng tên gọi "TSTL L " trong Hợp đồng mua bán điện là một địa điểm sử dụng điện, không phải là tên hộ kinh doanh hay tên tổ chức. Từ đó có căn cứ xác định, bị đơn là ông Lê Hồng Ph theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Công văn số 94/UBND-TP ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện B, tỉnh Long An xác định: Ngày 11/8/2003, ông Phcó đăng ký kết hôn với vợ là Bà Th. Nguyên đơn xác định, mặc dù nghĩa vụ thanh toán tiền điện của ông Ph phát sinh trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với bà Th nhưng nguyên đơn không có căn cứ xác định trách nhiệm liên đới của bà Th nên không khởi kiện bà Th . Tuy nhiên, trường hợp bà Th tự nguyện thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng ông Ph để thanh toán tiền điện cho nguyên đơn thì nguyên đơn cũng đồng ý, nên bà Th được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông Ph và bà Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Tòa án đã tiến hành gửi cho ông Ph và bà Thúy bản photo Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; tống đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố cho ông Ph và yêu cầu độc lập cho bà Th để các đương sự biết và thực hiện. Tuy nhiên, Tòa án không

nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì từ ông Ph và bà Th . Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Ph thanh toán nợ phát sinh từ việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đã được thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán điện. Do ông Ph không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nên đã làm phát sinh trách nhiệm thanh toán nợ, trách nhiệm trả lãi và bị chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Ph thanh toán số tiền là 23.242.890đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã lập Biên bản lấy lời khai về việc xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngày 12/01/2023 nhưng nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Do đó, căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về "Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự", Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2.2] Về hình thức, nội dung Hợp đồng mua bán điện: Hợp đồng được xác lập giữa Công ty Đ và ông Ph có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 22 Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2012 và các Điều 405, 406 Bộ luật Dân sự năm 2015, trên cơ sở tự nguyện giao kết, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng là hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết.

[2.3] Về quá trình thực hiện hợp đồng và phát sinh tranh chấp: Công ty Đ và ông Ph giao kết hợp đồng có thời hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nhưng ông Ph lại vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian hợp đồng vẫn còn thời hạn và đang có hiệu lực ràng buộc các bên. Theo đó, ông Ph có nghĩa vụ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Công ty Đ đã gửi Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 08/4/2021 trên website và gửi tin nhắn đến số điện thoại bị đơn cung cấp trong hợp đồng, trong đó có thông báo số điện ông Ph đã sử dụng là 12.540 kWh với tổng số tiền là 23.242.890 đồng, ngày đến hạn thanh toán là ngày 15/4/2021. Tuy nhiên, đã quá thời hạn mà ông Ph vẫn không thanh toán được. Đến ngày 27/4/2021, nguyên đơn tiếp tục ra thông báo tạm ngưng cung cấp điện để gửi bị đơn. Nhận thấy, nguyên đơn đã thực hiện phương thức thông báo cho bị đơn theo đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định bị đơn chưa thanh toán theo nội dung thông báo. Do đó, việc nguyên đơn ngừng cung cấp điện và thực hiện quyền khởi kiện là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện; Điều 23, khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2012 và Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/11/2013 của Bộ Công thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện.

Từ những phân tích tại các mục [2.1], [2.2] và [2.3], xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền điện còn nợ tổng cộng là 23.242.890đồng và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ thanh toán theo quy định, nguyên đơn khởi kiện có căn cứ chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Áp dụng Điều 23, Điều 46 Luật Điện lực năm 2004 đã được sửa đổi bổ sung năm 2012 và Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/11/2013 của Bộ Công thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện; khoản 1 Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Đ – TNHH đối với bị đơn ông Lê Hồng Ph .

2. Buộc ông Phcó nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty Đ - TNHH số tiền 23.242.890 đồng (hai mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi đồng).

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phphải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.162.145 đồng (một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng).

Tổng Công ty Đ - TNHH được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 581.072 đồng (năm trăm tám mươi mốt nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012214 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Thúy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Tân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc Minh, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thanh Xuân, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh Long An.

Văn bản ủy quyền số 10/UQ-CNLA ngày 06/9/2022.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Thiệt, sinh năm 1970

Địa chỉ: 175 khu C khu phố Rạch Đào, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205, 207; Các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long.

Buộc ông Lê Văn Thiệt có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền vay gốc là 3.945.444 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/01/2023 là 3.386.182 đồng, tổng cộng là 7.331.626 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số 108/17/HĐTD/1900-5923 ngày 03/3/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông Lê Văn Thiệt phải chịu 366.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0002729 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Năm – Nguyễn Thị Thu Tâm

Ngô Thị Thùy Diễm